

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

| NỘI DUNG | TRANG |
|---|--------------|
| Thông tin về doanh nghiệp | 1 |
| Báo cáo của Tổng Giám đốc | 2 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 3 |
| Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01– DNPNT) | 5 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (Mẫu số B 02 – DNPNT) | 8 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DNPNT) | 9 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DNPNT) | 11 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DNPNT) | 12 |

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 35/GPĐC13/KDBH được cấp vào ngày 2 tháng 2 năm 2017.

Giấy phép thành lập và hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Bộ Tài chính cấp với thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày của Giấy phép đầu tiên số 35GP/KDBH cấp ngày 14 tháng 12 năm 2005.

Hội đồng Thành viên

| | |
|----------------------------|--|
| Ông Alexandros Mandilas | Chủ tịch |
| Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thanh | Thành viên |
| Ông David Knott | Thành viên (từ ngày 26 tháng 9 năm 2023) |
| Ông Amit Suresh Chhallani | Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2023) |

Người đại diện theo pháp luật

| | |
|----------------------------|---------------|
| Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thanh | Tổng Giám đốc |
|----------------------------|---------------|

Trụ sở chính

Lầu 5, Tháp Hà Nội, 49 Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Bảo hiểm AIG Việt Nam (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 54. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh Nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam.



Nguyễn Thị Nguyệt Thanh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

Thành phố Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Bảo hiểm AIG Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023 và được Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 30 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu, từ trang 5 đến trang 54.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh Nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm phi nhân thọ đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm phi nhân thọ đang hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Trần Thị Thanh Trúc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3047-2024-006-1
Chữ ký được ủy quyền



A blue handwritten signature.

Trần Văn Thắng
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3586-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM15245
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm | |
|------------|--|-------------|--------------------------|------------------------|
| | | | 2023 VND | 2022 VND |
| 100 | TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 769.316.387.996 | 815.716.601.413 |
| 110 | Tiền | 3 | 56.766.141.789 | 86.578.690.475 |
| 111 | Tiền | | 56.766.141.789 | 86.578.690.475 |
| 120 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 471.000.000.000 | 502.800.000.000 |
| 121 | Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 4 | 471.000.000.000 | 502.800.000.000 |
| 130 | Các khoản phải thu ngắn hạn | | 69.660.155.841 | 54.740.152.349 |
| 131 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | 37.397.531.158 | 33.785.476.574 |
| 131.1 | Phải thu về hợp đồng bảo hiểm | 5 | 37.397.531.158 | 33.785.476.574 |
| 132 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 97.512.800 | 27.412.560 |
| 135 | Phải thu về cho vay ngắn hạn | | 176.189.000 | 212.772.000 |
| 136 | Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 6(a) | 32.218.127.162 | 20.745.840.814 |
| 139 | Dự phòng ngắn hạn phải thu khó đòi | 7 | (229.204.279) | (31.349.599) |
| 150 | Tài sản ngắn hạn khác | | 11.578.096.821 | 9.047.230.118 |
| 151 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 8(a) | 8.365.353.314 | 7.788.105.759 |
| 151.1 | Chi phí hoa hồng chưa phân bổ | | 8.216.802.436 | 7.540.821.471 |
| 151.2 | Chi phí trả trước ngắn hạn khác | | 148.550.878 | 247.284.288 |
| 152 | Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ | 12(a) | - | 869.366.779 |
| 154 | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 12(a) | 3.212.743.507 | 227.742.580 |
| 158 | Tài sản ngắn hạn khác | | - | 162.015.000 |
| 190 | Tài sản tái bảo hiểm | | 160.311.993.545 | 162.550.528.471 |
| 191 | Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm | 16(a) | 92.279.011.768 | 98.967.310.028 |
| 192 | Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 16(a) | 68.032.981.777 | 63.583.218.443 |

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

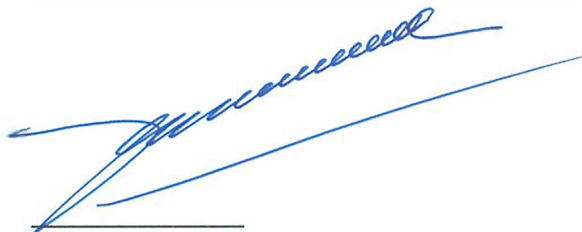
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

| Mã số | TÀI SẢN (tiếp theo) | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm | |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | 2023 VND | 2022 VND |
| 200 | TÀI SẢN DÀI HẠN | | 322.144.690.481 | 196.732.216.754 |
| 210 | Các khoản phải thu dài hạn | | 21.710.358.992 | 11.278.140.404 |
| 215 | Phải thu về cho vay dài hạn | | 5.102.000 | 181.291.000 |
| 218 | Phải thu dài hạn khác | 6(b) | 21.705.256.992 | 11.096.849.404 |
| 218.1 | <i>Ký quỹ bảo hiểm</i> | | <i>6.000.000.000</i> | <i>6.000.000.000</i> |
| 218.2 | <i>Phải thu dài hạn khác</i> | | <i>15.705.256.992</i> | <i>5.096.849.404</i> |
| 220 | Tài sản cố định | | 1.495.360.717 | 2.027.173.773 |
| 221 | Tài sản cố định hữu hình | 9 | 1.495.360.717 | 2.027.173.773 |
| 222 | Nguyên giá | | 13.347.820.748 | 12.947.788.223 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (11.852.460.031) | (10.920.614.450) |
| 227 | Tài sản cố định vô hình | | - | - |
| 228 | Nguyên giá | | 2.376.474.202 | 2.376.474.202 |
| 229 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (2.376.474.202) | (2.376.474.202) |
| 230 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | - | 47.982.078 |
| 250 | Đầu tư tài chính dài hạn | | 295.500.000.000 | 179.500.000.000 |
| 255 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 4 | 295.500.000.000 | 179.500.000.000 |
| 260 | Tài sản dài hạn khác | | 3.438.970.772 | 3.878.920.499 |
| 261 | Chi phí trả trước dài hạn | 8(b) | 1.897.751.655 | 2.020.814.257 |
| 262 | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 17 | 1.541.219.117 | 1.858.106.242 |
| 270 | TỔNG TÀI SẢN | | 1.091.461.078.477 | 1.012.448.818.167 |

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm | |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | 2023 VND | 2022 VND |
| 300 | NỢ PHẢI TRẢ | | 398.825.795.678 | 368.992.158.097 |
| 310 | Nợ ngắn hạn | | 391.780.628.737 | 362.607.523.528 |
| 312 | Phải trả người bán ngắn hạn | | 105.495.576.542 | 78.094.388.949 |
| 312.1 | Phải trả về hợp đồng bảo hiểm | 10 | 81.836.524.239 | 61.334.170.092 |
| 312.2 | Phải trả ngắn hạn khác cho người bán | 11 | 23.659.052.303 | 16.760.218.857 |
| 314 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 12(b) | 5.343.911.602 | 4.678.930.045 |
| 316 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 13 | 10.825.506.867 | 11.648.864.404 |
| 318 | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | | 2.311.424.126 | 1.121.864.891 |
| 319 | Phải trả ngắn hạn khác | 14 | 2.608.895.695 | 3.082.349.760 |
| 319.1 | Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng | 15 | 28.733.778.873 | 30.685.915.758 |
| 329 | Dự phòng nghiệp vụ | | 236.461.535.032 | 233.295.209.721 |
| 329.1 | Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | 16(a) | 114.295.487.312 | 116.650.486.868 |
| 329.2 | Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | 16(a) | 85.378.118.527 | 80.841.509.774 |
| 329.3 | Dự phòng dao động lớn | 16(b) | 36.787.929.193 | 35.803.213.079 |
| 330 | Nợ dài hạn | | 7.045.166.941 | 6.384.634.569 |
| 336 | Dự phòng trợ cấp thất nghiệp | | 5.341.697.749 | 5.726.041.425 |
| 337 | Dự phòng phải trả dài hạn | | 1.703.469.192 | 658.593.144 |
| 400 | VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 692.635.282.799 | 643.456.660.070 |
| 410 | Vốn chủ sở hữu | | 692.635.282.799 | 643.456.660.070 |
| 411 | Vốn góp của chủ sở hữu | 18, 19 | 1.126.099.400.000 | 1.126.099.400.000 |
| 419 | Quỹ dự trữ bắt buộc | 19 | 14.212.776.408 | 11.753.845.272 |
| 421 | Lỗi sau thuế lũy kế | 19 | (447.676.893.609) | (494.396.585.202) |
| 421a | - Lỗi sau thuế lũy kế của các năm trước | | (494.396.585.202) | (541.843.033.737) |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối của năm nay | | 46.719.691.593 | 47.446.448.535 |
| 440 | TỔNG NGUỒN VỐN | | 1.091.461.078.477 | 1.012.448.818.167 |



Nguyễn Thúy Vi
Người lập/Kế toán trưởng



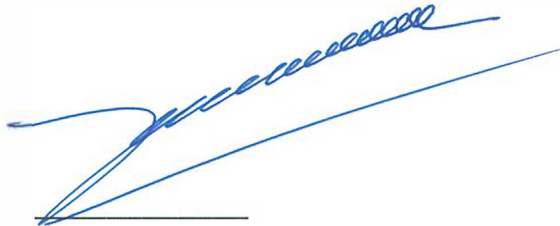
Nguyễn Thị Nguyệt Thanh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

| Mã số | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm | |
|-----------|---|---|-----------------------|
| | | 2023 VND | 2022 VND |
| 10 | Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 189.010.110.174 | 168.248.959.013 |
| 12 | Doanh thu hoạt động tài chính | 48.476.846.325 | 27.065.316.373 |
| 13 | Thu nhập khác | 2.876.831.658 | 130.402.149 |
| 20 | Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm | (100.184.348.346) | (85.180.373.519) |
| 22 | Chi phí hoạt động tài chính | (547.775.759) | (1.572.100.275) |
| 23 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 27 (77.798.187.828) | (52.986.659.880) |
| 24 | Chi phí khác | (47.982.078) | - |
| 50 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 61.785.494.146 | 55.705.543.861 |
| 51 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành | 28 (12.289.984.292) | (7.620.020.066) |
| 52 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 17,28 (316.887.125) | 1.858.106.242 |
| 60 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 49.178.622.729 | 49.943.630.037 |



Nguyễn Thúy Vi
Người lập/Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nguyệt Thanh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

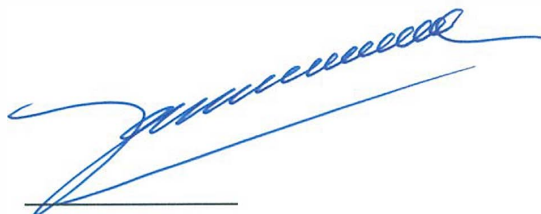
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(tiếp theo)**PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

| Mã số | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm | |
|-----------|---|---|--------------------------|
| | | 2023 VND | 2022 VND |
| 01 | Doanh thu phí bảo hiểm | 389.939.862.788 | 368.723.679.763 |
| 01.1 | Phí bảo hiểm gốc | 360.543.919.739 | 348.825.279.295 |
| 01.2 | Phí nhận tái bảo hiểm | 27.040.943.493 | 36.573.213.257 |
| 01.3 | Giảm/(tăng) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | 2.354.999.556 | (16.674.812.789) |
| 02 | Phí nhượng tái bảo hiểm | (290.182.830.516) | (299.836.240.540) |
| 02.1 | Tổng phí nhượng tái bảo hiểm | (283.494.532.256) | (309.729.318.298) |
| 02.2 | (Giảm)/tăng trong dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm | (6.688.298.260) | 9.893.077.758 |
| 03 | Doanh thu phí bảo hiểm thuần | 99.757.032.272 | 68.887.439.223 |
| 04 | Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 89.253.077.902 | 99.361.519.790 |
| 04.1 | Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm | 87.769.545.283 | 97.188.244.425 |
| 04.2 | Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 1.483.532.619 | 2.173.275.365 |
| 10 | Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 189.010.110.174 | 168.248.959.013 |
| 11 | Chi phí bồi thường | (50.407.987.696) | (90.497.605.560) |
| 11.1 | Tổng chi bồi thường | (55.406.302.002) | (90.704.772.133) |
| 11.2 | Các khoản giảm trừ | 4.998.314.306 | 207.166.573 |
| 12 | Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 23.938.213.242 | 79.061.756.199 |
| 13 | (Tăng)/giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm | (4.536.608.753) | 2.208.691.632 |
| 14 | Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm | 4.449.763.334 | (8.489.916.108) |
| 15 | Tổng chi bồi thường bảo hiểm | (26.556.619.873) | (17.717.073.837) |
| 16 | Tăng dự phòng dao động lớn | (984.716.114) | (756.691.743) |

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(tiếp theo)PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(tiếp theo)

| Mã số | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm | |
|-----------|--|---|-------------------------|
| | | 2023 VND | 2022 VND |
| 17 | Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm | (72.643.012.359) | (66.706.607.939) |
| 17.1 | Chi hoa hồng bảo hiểm | (32.781.807.580) | (31.564.892.239) |
| 17.2 | Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm | (39.861.204.779) | (35.141.715.700) |
| 18 | Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm | (100.184.348.346) | (85.180.373.519) |
| 19 | Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 88.825.761.828 | 83.068.585.494 |
| 23 | Doanh thu hoạt động tài chính | 48.476.846.325 | 27.065.316.373 |
| 24 | Chi phí tài chính | (547.775.759) | (1.572.100.275) |
| 26 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | (77.798.187.828) | (52.986.659.880) |
| 30 | Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 58.956.644.566 | 55.575.141.712 |
| 31 | Thu nhập khác | 2.876.831.658 | 130.402.149 |
| 32 | Chi phí khác | (47.982.078) | - |
| 40 | Lợi nhuận khác | 2.828.849.580 | 130.402.149 |
| 50 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 61.785.494.146 | 55.705.543.861 |
| 51 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành | (12.289.984.292) | (7.620.020.066) |
| 52 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | (316.887.125) | 1.858.106.242 |
| 60 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 49.178.622.729 | 49.943.630.037 |



Nguyễn Thúy Vi
Người lập/Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nguyệt Thanh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 30 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm | |
|--|--|--|-------------------------|
| | | 2023 VND | 2022 VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Lợi nhuận kế toán trước thuế | 61.785.494.146 | 55.705.543.861 |
| | Điều chỉnh cho các khoản: | | |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") | 9 1.116.766.056 | 908.004.644 |
| 03 | Tăng các khoản dự phòng | 858.387.052 | 965.095.627 |
| | Dự phòng nghiệp vụ | 5.404.860.237 | 13.819.651.250 |
| | Doanh thu/chí phí hoa hồng chưa thực hiện/ chưa phân bổ | (2.628.117.850) | 1.468.081.989 |
| 04 | (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | (346.125.184) | 925.064.825 |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | (47.906.520.938) | (25.967.688.776) |
| 07 | Các khoản điều chỉnh khác | 47.982.078 | - |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 18.332.725.597 | 47.823.753.420 |
| 09 | Tăng các khoản phải thu | (6.784.578.929) | (4.518.242.268) |
| 11 | Tăng/(giảm) các khoản phải trả | 31.988.635.145 | (7.788.279.713) |
| 12 | Giảm/(tăng) chí phí trả trước | 221.796.012 | (15.613.858) |
| 15 | Thuế TNDN đã nộp | (16.001.937.750) | (4.396.047.407) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 27.756.640.075 | 31.105.570.174 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm TSCĐ | (584.953.000) | (818.906.000) |
| 22 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | - | 3.181.818 |
| 23 | Tiền chi cho các khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn | (658.963.417.000) | (489.500.000.000) |
| 24 | Tiền thu từ đáo hạn các khoản đầu tư | 574.800.000.000 | 365.300.000.000 |
| 27 | Tiền thu từ lãi tiền gửi | 27.185.476.020 | 26.033.596.164 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | (57.562.893.980) | (98.982.128.018) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | (29.806.253.905) | (67.876.557.844) |
| 60 | Tiền đầu năm | 86.578.690.475 | 154.496.952.134 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | (6.294.781) | (41.703.815) |
| 70 | Tiền cuối năm | 56.766.141.789 | 86.578.690.475 |

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh 32.

Nguyễn Thúy Vi
Người lập/Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nguyệt Thanh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.